

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HSST
Ngày 23/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiểu.

Bà Đặng Thị Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn B, sinh ngày 05/6/1989; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn HL, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Đào Thị H; có vợ là Trần Thị Ng và có 2 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Ng, sinh ngày 23/7/1982; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc B1 và bà Nguyễn Thị Th; có chồng là Trần Tiến D và có 3 con; con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn Th, sinh ngày 20/6/1975; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị R; có vợ là Vũ Thị Ng và có 3 con; con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Văn G sinh năm 1987; anh Trần Văn Th1, sinh năm 1976; anh Lý Ngọc Tr, sinh năm 1971; anh Vũ Văn H1, sinh năm 1985; anh Trần Quốc T, sinh năm 1975; anh Trần Văn B, sinh năm 1981; ông Trần Văn Ph, sinh năm 1959; anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973; anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1974, đều trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2. Anh Trần Văn Th2, sinh năm 1970; ông Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1965; chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1977, đều trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2.

(những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1962, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 (bà Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Thị Ng và Bùi Văn B đều ký hợp đồng bán vé xổ số kiến thiết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết T2 (B là đại lý cấp 1, Ng là đại lý cấp 2). Hàng ngày Ng mở bàn bán xổ số tại nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 sau đó B đến thu rồi chuyển vào xổ số nhà nước. Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, Bùi Văn B và Bùi Thị Ng đã bàn bạc với nhau việc tổ chức đánh bạc trái phép ăn tiền dưới hình thức lập bảng lô, đề trái phép. Ng trực tiếp bán số lô, đề cho người chơi sau đó Ng thống kê các số lô, đề bán được vào một tờ giấy ô li, kẻ dòng (thường gọi là bảng số lô, đề) rồi sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng chụp ảnh gửi qua ứng dụng Zalo trước 18 giờ hàng ngày, giao lại cho B làm chủ, để hưởng tiền hoa hồng. Tài khoản Zalo của Ng là “TT” được tạo lập từ số điện thoại 0814.619.628, tài khoản Zalo của B là “LK”, không xác định được số điện thoại tạo lập.

Ng với B quy định với nhau về việc chuyển bảng lô đề: Cứ 01 điểm lô Ng chuyển cho B với giá 21.800 đồng, các số đề thì cứ 1.000 đồng Ng chuyển thì B sẽ tính 720 đồng tương ứng với tỉ lệ 72%. Khi người chơi mua số đề thì Ng tự khuyến mại cho khách, cứ mua 10.000 đồng tiền đề thì Ng khuyến mại thêm cho người mua 1.000 đồng. Nếu trúng thưởng 01 điểm lô B trả cho Ng 80.000 đồng, số đề 2 càng B trả gấp 70 lần số tiền đã mua số đề đó. Sau khi Ng thỏa thuận với B xong Ng đã bán trực tiếp bán lô, đề cho khách với giá 01 điểm lô 23.000 đồng cho người mua từ 10 điểm lô trở xuống, giá 22.500 đồng đối với người mua từ 10 điểm lô trở lên.

Ng bán một loại số đề là “Loại 2 số” (2 càng), người chơi chọn mua một hoặc nhiều con số bất kỳ từ 00 đến 99 và đặt cược giá trị mua số đề đó, cứ 10.000 đồng tiền số đề thì Ng khuyến mại cho người chơi số tiền 1.000 đồng và được cộng trực tiếp vào số tiền mua. Sau khi kết quả xổ số kiến thiết mở thưởng cùng ngày thì so sánh số đề 2 càng với 2 số cuối của “Giải đặc biệt” nếu trùng thì người chơi “trúng đề”. Trường hợp này người chơi sẽ được trả gấp 70 lần số tiền đặt cược số đề đó

(bao gồm tiền mua thực tế phải trả và tiền được khuyến mại). Số tiền Ng bán được các số đề chuyển lại cho B, Ng sẽ được hưởng lợi 28% trong tổng số tiền này.

Ng bán một loại số lô thường gọi là “Lô thường”: Người chơi sẽ chọn số lô ngẫu nhiên từ 00 đến 99 rồi đặt cược đặt cược số điểm muốn mua, 1 điểm lô Ng bán với giá 22.500đồng nếu mua từ 10 điểm lô trở lên và bán 23.000đồng nếu mua dưới 10 điểm lô. Sau đó khi kết quả xổ số kiến thiết mở thưởng cùng ngày thì so sánh số lô đã mua nếu trùng với 2 số cuối của các giải xổ số miền bắc nếu trúng thưởng 1 điểm lô sẽ được trả 80.000 đồng, số lô thường về nhiều lần trong các giải thì sẽ được nhân lên tương ứng (1 lần hay gọi là 1 nháy; 2 lần là 2 nháy...). Các số lô Ng bán được chuyển lại cho B, 1 điểm lô B tính giá 21.800đồng, Ng được hưởng lợi 1 điểm lô từ 700đồng đến 1.200đồng. Bằng hình thức trên, trong khoảng thời gian từ 17 giờ 30 ngày 29/12/2023, Ng đã bán số lô, số đề trái phép cho 36 người chơi, trong đó xác định được 14 người, cụ thể như sau:

1. Ng bán cho Bùi Văn Th, sinh năm 1975, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 50 điểm số lô 86 (22.500 đồng/01 điểm) và 85.000 đồng số đề 86. Ng khuyến mại thêm 8.000 đồng được cộng vào số tiền mua thành 93.000 đồng. Thán đã thanh toán cho Ng tổng sử dụng mua các số lô, số đề trên là 1.210.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Thán trúng thưởng số lô 86 là 50 điểm được số tiền 8.000.000đồng, Ng chưa thanh toán cho Th số tiền trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Th là 9.218.000 đồng.

2. Ng bán cho Bùi Văn G, sinh năm 1987, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 40 điểm số lô 97, 20 điểm số lô 79 (22.500 đồng/01 điểm) và 25.000 đồng mỗi số đề 79, 97. Ng khuyến mại thêm 2.000 đồng mỗi số đề được cộng vào số tiền mua thành 27.000 đồng. G đã thanh toán cho Ng tổng số tiền sử dụng mua các số lô, số đề trên là 1.400.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày G không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và G là 1.404.000 đồng.

3. Ng bán cho Trần Văn Th1, sinh năm 1976, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 10 điểm số lô 02 (22.500 đồng/01 điểm). Th1 đã thanh toán cho Ng số tiền sử dụng mua số lô trên là 225.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Th1 không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Th1 là 225.000 đồng.

4. Ng bán cho Lý Ngọc Tr, sinh năm 1971, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 5 điểm số lô 53 (23.000 đồng/01 điểm). Tr đã thanh toán cho Ng số tiền sử dụng mua số lô trên là 115.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Tr không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Tr là 115.000 đồng.

5. Ng bán cho Vũ Văn H, sinh năm 1985, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 50 điểm số lô 26 (22.500 đồng/01 điểm). H đã thanh toán cho Ng số tiền sử dụng mua số lô trên là 1.125.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày H không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và H là 1.125.000 00 đồng.

6. Ng bán cho Trần Quốc T, sinh năm 1975, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 10 điểm số lô 22 (22.500 đồng/01 điểm). T đã thanh toán cho Ng số tiền sử dụng mua số lô trên là 225.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày T không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và T là 225.000 đồng.

7. Ng bán cho Trần Văn B, sinh năm 1981, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 5 điểm mỗi số lô 41, 62 (22.500 đồng/01 điểm). B đã thanh toán cho Ng tổng số tiền sử dụng mua các số lô trên là 225.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày B không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và B là 225.000 đồng.

8. Ng bán cho Trần Văn Ph, sinh năm 1959, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 20 điểm số lô 58 (22.500 đồng/01 điểm). Ph đã thanh toán cho Ng số tiền sử dụng mua số lô trên là 450.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Ph không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Ph là 450.000 đồng.

9. Ng bán cho Nguyễn Văn L, sinh năm 1973, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 20 điểm mỗi số lô 32, 46 (22.500 đồng/01 điểm). L đã thanh toán cho Ng tổng số tiền sử dụng mua các số lô trên là 900.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày L không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và L là 900.000 đồng.

10. Ng bán cho Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 5 điểm mỗi số lô 75, 80, 63 (22.500 đồng/01 điểm); 20.000 đồng mỗi số đề 81, 82, Ng khuyến mại thêm 2.000 đồng mỗi số đề được cộng vào số tiền mua thành 22.000 đồng; 10.000 đồng số đề 63, Ng khuyến mại thêm 1.000 đồng thành 11.000 đồng; 50.000 đồng mỗi số đề 75, 80, Ng khuyến mại thêm 5.000 đồng mỗi số đề được cộng vào số tiền mua thành 55.000 đồng. A đã thanh toán cho Ng tổng số tiền sử dụng mua các số lô, số đề trên là 490.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày A không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và A là 505.000 đồng.

11. Ng bán cho Trần Văn Th1, sinh năm 1970, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 5 điểm mỗi số lô 77, 49, 43 (22.500 đồng/01 điểm); 10.000 đồng mỗi số đề 77, 72, Ng khuyến mại thêm 1.000 đồng mỗi số đề được cộng vào số tiền mua thành 11.000 đồng. Th1 đã thanh toán cho Ng tổng số tiền sử dụng mua các số lô, số đề trên là 360.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Th1 trúng 5 điểm lô 43; 2 nháy là 10 điểm được 800.000 đồng. Ng đã thanh toán tiền trúng thưởng cho Th1. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Th1 là 1.162.000 đồng.

12. Ng bán cho Bùi Thị Ng, sinh năm 1977, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 10 điểm mỗi số lô 71, 20, 02, 22, 05, 50; 4 điểm mỗi số lô 04, 40, 89, 98, 00, 99, 77, 14, 41, 13 (22.500 đồng/01 điểm). Ng chưa thanh toán cho Ng tổng số tiền sử dụng mua các số lô trên là 2.250.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Ng trúng 10 điểm mỗi số lô 20, 50; 4 điểm số lô 40; được

1.920.000 đồng. Đối trừ thắng thua, Ngân phải trả cho Ng số tiền 330.000 đồng. Hai bên chưa thanh toán tiền với nhau. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Ng là 4.170.000 đồng.

13. Ng bán cho Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1965, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 5 điểm mỗi số lô 07, 58, 15 (22.500 đồng/01 điểm) tương ứng số tiền 337.500 đồng, Ng lấy tròn tiền là 340.000 đồng, Ch đã thanh toán cho Ng số tiền trên. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Ch trúng 5 điểm số lô 07; được 400.000 đồng. Ng chưa thanh toán tiền trúng thưởng cho Ch. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Ch là 740.000 đồng.

14. Ng bán cho Vũ Văn Đ, sinh năm 1974, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 50.000 đồng số đề 66, Ng khuyến mại thêm 5.000 đồng được cộng vào số tiền mua thành 55.000 đồng. Đ đã thanh toán cho Ng số tiền sử dụng mua số đề trên là 50.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày Đ không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc của Ng và Đ là 55.000 đồng.

Như vậy ngày 29/12/2023, Ng đã bán số lô, số đề trái phép cho 36 người chơi được 564 điểm lô với số tiền 12.705.000 đồng và 1.701.000 đồng tiền ghi số đề. Tổng số tiền Ng thu được khi ghi lô, đề là 14.406.000 đồng. Ng tổng hợp số lô đề đã bán rồi chuyển lại cho B. Như vậy, tổng số tiền Ng tổng hợp bằng lô đề và chuyển cho B là: $564 \times 21.800 \text{ đồng} + 1.701.000 \text{đ} \times 72\% = 13.520.000 \text{ đồng}$ (Ng được hưởng lợi 886.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc, bằng lô đề Ng chuyển cho B đã trúng thưởng được tổng số tiền là 17.860.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền thắng thua, B còn phải trả cho Ng số tiền 4.340.000 đồng. B đã thanh toán cho Ng số tiền trên bằng hình thức chuyển khoản. Tổng số tiền sử dụng để tổ chức đánh bạc của B với Ng là: 14.406.000 đồng (Tiền bằng lô đề mà Ng phải chuyển cho B) và 17.860.000 đồng (Tiền trúng lô đề mà B phải trả cho Ng) tổng 32.266.000. Hành vi của Ng và B đã phạm vào tội Tổ chức đánh bạc.

Bùi Văn Th sử dụng 1.218.000 đồng mua số lô, số đề, Th trúng được số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của Th là 9.218.000 đồng. Hành vi của Th đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại điều 321 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng và Bùi Văn Th đều thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSTH ngày 25/4/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm a, c khoản 1 Điều 322; truy tố bị cáo Bùi Văn Th về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.
Bị cáo Bùi Văn Th phạm tội “*Đánh bạc*”.

1. Đối với bị cáo Bùi Văn B: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng.

2. Đối với bị cáo Bùi Thị Ng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng.

3. Đối với bị cáo Bùi Văn Th: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Ngày 29/12/2023 Bùi Văn B và Bùi Thị Ng đã có hành vi Tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề trái phép cho người chơi. Ng trực tiếp bán số lô, đề cho người chơi sau đó thống kê lại chuyển bảng cho B làm chủ để hưởng tiền hoa hồng. 01 điểm lô Ng bán cho người chơi giá 22.500 đồng đến 23.000 đồng và chuyển lại cho B với giá 21.800 đồng, Ng được hưởng lợi 700 đồng đến 1.200 đồng, đối với số đề thì Ng được hưởng lợi 28% trên tổng số tiền bán được. Trong số những khách mua số lô, số đề của Bùi Thị Ng có Bùi Văn Th dùng 1.218.000 đồng mua số lô đề, sau khi có kết quả xổ số mở thưởng Thần trúng số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền Thần đánh bạc là 9.218.000 đồng. Tổng số tiền B và Ng tổ chức đánh bạc là 32.266.000 đồng.

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng:

Đơn tố giác của quần chúng nhân dân xã Đông Cơ, huyện T1, tỉnh T2; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản kiểm tra điện thoại, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 30/12/2023; 06/2/2024 tại Công an huyện T1; Biên bản kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hồi 18 giờ 15 phút ngày từ 29/12/2023 tại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ Đô-53E phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Sao kê tài khoản ngân hàng của Bùi Văn B và Bùi Thị Ng; Hợp đồng Đại lý bán vé xổ số kiến thiết và bảng kê dự thưởng số lô tô; Kết luận giám định số 105/KL-KTHS ngày 29/1/2024 và Kết luận giám định số 499/KL-KTHS ngày 31/1/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, trong ngày 29/12/2023, Bùi Văn B và Bùi Thị Ng đã có hành vi Tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề trái phép cho người chơi. Ng trực tiếp bán số lô, đề cho người chơi sau đó thống kê lại chuyển bảng cho B làm chủ để hưởng tiền hoa hồng. 01 điểm lô Ng bán cho người chơi giá 22.500 đồng đến 23.000 đồng và chuyển lại cho B với giá 21.800 đồng, Ng được hưởng lợi 700 đồng đến 1.200 đồng, đối với số đề thì Ng được hưởng lợi 28% trên tổng số tiền bán được, tổng số Ng hưởng lợi bất chính là 886.000 đồng. Trong số những khách mua số lô, số đề của Bùi Thị Ng có Bùi Văn Th dùng 1.218.000 đồng mua số lô đề, sau khi có kết quả xổ số mở thưởng Thán trúng số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền Thán đánh bạc là 9.218.000 đồng. Tổng số tiền B và Ng tổ chức đánh bạc là 32.266.000 đồng (trong đó số tiền đánh bạc là 14.406.000 đồng, thắng bạc là 17.860.000 đồng).

Như vậy, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Bùi Văn B và Bùi Thị Ng có hành vi tổ chức đánh bạc; bị cáo Bùi Văn Th có hành vi đánh bạc. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn B và Bùi Thị Ng đã cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Bùi Văn Th đã cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Bùi Văn Th về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 322. Tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 2 chiều bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

.....
 c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 321. Tội Đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là ẩn họa của nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc là vi phạm pháp luật song vẫn thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Đối với tội tổ chức đánh bạc, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự chuẩn bị, lên kế hoạch phạm tội từ trước. Tuy nhiên do háms lợi, bị cáo Ng đã làm thư ký đề cho bị cáo B, đồng phạm tích cực với bị cáo B về hành vi tổ chức đánh bạc.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn Th được áp dụng thêm 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị cơ quan nhà nước nào xử lý về các hành vi vi phạm pháp luật.

[6] Về trách nhiệm hình sự:

[6.1] Xét mức độ, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá trách nhiệm hình sự như sau:

Đối với tội Tổ chức đánh bạc, bị cáo B là chủ đề, là người nhận số lô, số đề qua thư ký đề nên xếp thứ nhất, bị cáo Ng là người trực tiếp ghi số lô, số đề của người chơi rồi chuyển cho B tuy nhiên Ng là đồng phạm giữ vai trò tích cực. Vì vậy, vai trò của Ng tương đương với vai trò của B trong vụ án.

Đối với tội đánh bạc, bị cáo Thần là người đánh bạc với số tiền 1.218.000 đồng và thắng bạc với số tiền là 8.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với tổng số tiền là 9.218.000 đồng.

[6.2] Các bị cáo B, Ng, Thần đều là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả tội phạm; bị cáo Thần tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo.

[6.3] Các bị cáo B, Ng tổ chức đánh bạc và đánh bạc để hưởng lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Bị cáo Thần không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền Bùi Văn B, Bùi Thị Ng tổ chức đánh bạc:

Trong ngày 29/12/2023, Bùi Văn B tổ chức đánh bạc thông qua thư ký là Bùi Thị Ng với tổng số tiền 32.266.000 đồng, (B và Ng đã thanh toán tiền cho nhau) trong đó số tiền B đã nhận số tiền đánh bạc là 13.520.000 đồng; số tiền Ng đã nhận và hưởng lợi bất chính là 886.000 đồng và số tiền thắng bạc, Ng đã nhận nhưng chưa thanh toán cho người chơi là 14.810.000 đồng; xác định đây là số tiền các bị cáo tổ chức đánh bạc, cần truy thu sung quỹ nhà nước, trong đó truy thu của B 13.520.000 đồng, truy thu của Ng 15.696.000 đồng.

[7.2] Đối với số tiền Bùi Văn Th đánh bạc:

Ngày 29/12/2023, Bùi Văn Th đánh bạc với tổng số tiền 1.218.000 đồng, Thần thắng 8.000.000 đồng, Th đã trả cho Ng số tiền đánh bạc, Ng chưa thanh toán tiền thắng bạc cho Th (B đã thanh toán tiền thắng bạc cho Ng). Tổng số tiền đánh bạc là 9.218.000 đồng, xác định đây là số tiền đánh bạc, cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó, truy thu của Ng số tiền thắng bạc; truy thu của B số tiền đánh bạc, để sung quỹ Nhà nước.

[7.3] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Bùi Văn G, sinh năm 1987, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 tổng số tiền mua các số lô, số đề trên là 1.400.000 đồng, anh Giang đã thanh toán tiền và không trúng thưởng, cần truy thu của B để sung quỹ nhà nước.

[7.4] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Trần Văn Th1, sinh năm 1976, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền mua số lô trên là 225.000 đồng, anh Th1 đã thanh toán và không trúng thưởng, cần truy thu của B để sung quỹ nhà nước.

[7.5] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Lý Ngọc Tr, sinh năm 1971, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 115.000 đồng, anh Tr đã thanh toán và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 115.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.6] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Vũ Văn H, sinh năm 1985, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 1.125.000 đồng, anh H đã thanh toán và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 1.125.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.7] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Trần Quốc T, sinh năm 1975, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 225.000 đồng, anh T đã thanh toán và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 225.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.8] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Trần Văn B, sinh năm 1981, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 225.000 đồng, anh B đã thanh toán và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 225.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.9] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Trần Văn Ph, sinh năm 1959, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 450.000 đồng, anh Ph đã thanh toán và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 450.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.10] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 900.000 đồng, anh L đã thanh toán và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 900.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.11] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô và đề là 490.000 đồng (Ng khuyến mại thêm cho Ngọc A 55.000 đồng vào số tiền đánh lô, đề), anh Ngọc A đã thanh toán 490.000 đồng và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 505.000 đồng, cần truy thu của B để sung quỹ Nhà nước.

[7.12] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho anh Trần Văn Th, sinh năm 1970, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô và đề là 360.000 đồng (Ng khuyến mại thêm cho anh Th 2.000 đồng vào số tiền đánh đề), anh Th đã thanh toán 360.000 đồng và trúng thưởng 800.000 đồng, Ng đã thanh toán tiền trúng thưởng cho Th. Tổng số tiền đánh bạc là 1.162.000 đồng, cần truy thu của B số tiền đánh bạc, truy thu của anh Th số tiền thắng bạc để sung quỹ Nhà nước.

[7.13] Ngày 29/12/2023, Ng bán cho chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1977, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 2.250.000 đồng, chị Ng chưa thanh

toán số tiền đánh lô, chị Ng trúng thưởng 1.920.000 đồng; hai bên chưa thanh toán tiền cho nhau. Tổng số tiền đánh bạc là 4.170.000 đồng, cần truy thu của chị Ng số tiền đánh bạc, truy thu của Ng số tiền thắng bạc để sung quỹ Nhà nước.

[7.14] Ngày 29/12/2023, Ng bán anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1965, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 số tiền lô là 340.000 đồng, anh Ch đã thanh toán số tiền đánh lô, anh Ch trúng thưởng 400.000 đồng; Ng chưa thanh toán tiền thắng bạc cho anh Ch. Tổng số tiền đánh bạc là 740.000 đồng, cần truy thu của B số tiền đánh bạc, truy thu của Ng số tiền thắng bạc để sung quỹ Nhà nước.

[7.15] Ngày 29/12/2023, Ng bán anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1974, trú tại thôn VH, xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 số tiền đề là 50.000 đồng (Ng khuyến mại thêm cho anh Đ 5.000 đồng vào số tiền đánh đề), anh Đ đã thanh toán số tiền mua đề là 50.000 đồng và không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là 55.000 đồng, cần truy thu của B số tiền đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền Bùi Thị Ng bán số lô, số đề cho 14 người chơi nêu trên là 9.393.000 đồng, số tiền những người chơi trên trúng số lô, số đề là 11.120.000 đồng (Ng đã trả cho anh Th 800.000 đồng, phải truy thu của anh Th; còn lại số tiền 10.320.000 đồng phải truy thu của Ng).

Ngoài ra, trong ngày 29/12/2023, Ng còn bán số lô, số đề cho 22 người chơi khác (không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) với số tiền 5.013.000 đồng; những người này trúng số lô, số đề là 6.740.000 đồng, phải truy thu số tiền thắng bạc của Ng để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về vật chứng của vụ án:

01 bút nước màu đen đã qua sử dụng; 01 vở ghi nhãn hiệu Hải Tiên (bên trong có 15 trang giấy trắng nhãn hiệu Hải Tiên có dòng kẻ); 10 cặp lô, đề tự chế kích thước 5 x 5 cm xác định là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng đã qua sử dụng thu của Bùi Thị Ng xác định là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ.

Đối với số tiền 11.940.000 đồng do Bùi Thị Ng tự nguyện giao nộp, xác định là tiền bị cáo nộp khắc phục hậu quả cần chuyển sang thi hành án.

[9] Trong vụ án này:

[9.1] Đối với Bùi Văn Gi, Trần Văn Th1, Lý Ngọc Tr, Vũ Văn H, Trần Quốc T, Trần Văn B, Trần Văn Ph, Nguyễn Văn L, Nguyễn Ngọc A, Vũ Văn Đ, Trần Văn Th, Bùi Thị Ng và Nguyễn Hữu Ch là những người mua số lô, số đề trái phép của Ng với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định các đối tượng trên không có tiền án, tiền sự về hành vi Đánh bạc, Gá bạc hoặc Tổ chức đánh bạc nên Công an huyện T1 đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với G, Th1, Tr, H, T, B, Ph, L, A, Đ, Th, Ng và Ch về hành vi đánh bạc là có căn cứ.

[9.2] Quá trình điều tra xác định: Ng đặt bàn bán vé xổ số Nhà nước (có đăng ký hợp pháp) tại nhà mẹ đẻ của Ng là bà Nguyễn Thị Th, việc Ng và B lập bảng số

lô, số đề trái phép bà Th không biết, không có hành vi giúp sức, không được hưởng lợi gì nên không có căn cứ xử lý đối với bà Th.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Bị cáo Bùi Văn Th phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Xử phạt:

- Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 05 triệu đồng đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Thị Ng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 05 triệu đồng đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn Th 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Văn B cho Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; giao các bị cáo Bùi Thị Ng, Bùi Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện T1, tỉnh T2 giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật hình sự.

3. Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Truy thu đối với bị cáo Bùi Văn B số tiền tổ chức đánh bạc là 13.520.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước; bị cáo đã nộp số tiền 13.520.000 đồng theo biên lai số 0001619 ngày 21/5/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2, chuyển số tiền trên sang thi hành án, bị cáo B đã nộp đủ số tiền tổ chức đánh bạc.

- Truy thu đối với bị cáo Bùi Thị Ng số tiền tổ chức đánh bạc, hưởng lợi bất chính là 15.696.000 đồng. Đối trừ số tiền 11.940.000 đồng, bị cáo Ng đã tự nguyện

giao nộp đang quản lý tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2, chuyển số tiền trên sang thi hành án, bị cáo Ng còn phải nộp số tiền là 3.756.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu đối với chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1977, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 số tiền đánh bạc bằng hình thức đánh lô là 2.250.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu đối với anh Trần Văn Th, sinh năm 1970, trú tại thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 số tiền hưởng lợi bất chính là 800.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng đã qua sử dụng thu của Bùi Thị Ng.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 bút nước màu đen đã qua sử dụng; 01 vở ghi nhãn hiệu Hải Tiên (bên trong có 15 trang giấy trắng nhãn hiệu Hải Tiên có dòng kẻ); 10 cặp lô, đề tự chế kích thước 5 x 5 cm.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng, Bùi Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, các bị cáo Bùi Văn B, Bùi Thị Ng, Bùi Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/5/2024.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND các xã: ĐH, ĐP;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền